TỦ SÁCH TRI THỨC PHÁT TRIỂN

HUỲNH NGỌC TRẢNG

SỔ TAY THƯỞNG THỨC

hát bội



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Sổ tay thưởng thức
HÁT BỘI

Sổ tay thưởng thức

HÁT BỘI



Lời nói đầu

Hát bội là một loại hình sân khấu truyền thống đã từng chiếm vị trí quan trọng trong đời sống văn hóa của người Việt, nhất là ở miền Nam hàng bao thế kỷ trước đây. Sau những năm 20, 30 của thế kỷ này, hát bội bị cải lương lấn lướt làm mất vị trí vốn có.

Có thể chỉ ra nhiều nguyên nhân khiến hát bội không được công chúng hâm mộ như trước nữa. Song rõ ràng là với đặc trưng nghệ thuật mang tính chất ước lệ của nó, khán giả ngày nay khó có thể thưởng thức được hát bội.

Phàm "hữu tri" mới "khả mộ". Điều này lại càng đúng hơn đối với hát bội. Diễn viên hát bội đóng một vai tuồng nào thì không thể tự ý muốn ăn mặc sao cũng được, đi đứng, liếc ngó, múa máy chân tay thế nào cũng xong... Họ phải làm theo điệu bộ, cách thức đã được quy định một cách chặt chẽ nhằm biểu trưng cho những vai tuồng, tình cảnh, trạng huống tâm lý, tính cách nhân vật khác nhau. Do đó, không chỉ đòi hỏi diễn viên mà cả khán giả muốn thưởng thức hát bội cũng phải biết những quy định ước lệ ấy.

Giáo sư Đoàn Nồng trong Sự tích và nghệ thuật hát bội *đã viết: "Điệu bộ hát bội không có ý tả chân: điệu bộ hát bội chỉ tượng trưng cũng như nhiều mỹ thuật của Á Đông. Nhà họa sĩ vẽ một cành hoa cúc, người xem phải tưởng tượng sau cành hoa cúc đó có cả một cảnh mùa thu với trăng trong gió mát, với trời xanh mây tĩnh. Với một đóa hoa lan, ta phải tưởng tượng đến trăm hồng nghìn tía của một trời xuân; thời một điệu bộ của hát bội tiêu biểu một cảm giác, một mối cảm tình, một nền luân lý trật tự xưa. Khi người diễn tuồng giơ cánh tay lên bộ cái bộ lau nước mắt là không phải tả chân cái buồn của mình mà chỉ ám hiệu cái buồn ấy để cho khán giả tự do tưởng tượng bao nhiêu nỗi đoạn trường tương tự như thế".*

Không bao giờ thấy nghệ sĩ hát bội khóc nức nở. Để tỏ ra mình khóc chỉ lấy cánh tay đưa ngang mày rồi kéo nhẹ nhẹ cánh tay, ngụ ý gạt nước mắt hay nhún vai lên xuống vài lần ngụ ý tức tưởi; còn nếu là đào thì đưa vạt áo lên ngang mày rồi kéo qua nhẹ nhẹ để ngụ ý lau nước mắt đẫm lệ.

Lúc vui cười, nghệ sĩ hát bội (trừ ra vai hề) không có khi nào cười lăn chiêng, ngã nghiêng, ngã ngửa, mà chỉ cười ba tiếng mà thôi, thế mà khán giả hiểu sự vui của nghệ sĩ đến mức độ nào tùy theo cách cười của nghệ sĩ. Vả lại, cái cười của nịnh, trung, tướng, lão khác nhau: cái cười của trung thì thực thà, rộng rãi mà cái cười của nịnh thì hàm súc biết bao hèn hạ, dễ ghét làm sao!.

Đến khi đánh giặc, ban nhạc xổ một hồi "trông chiêng" kèm theo cái "chụp chã" lùng tùng xà ầm ỹ vang trời ngụ ý khi ra trận, chiêng trống đánh thúc để cổ võ quân lính, phấn khởi chí anh hùng. Trong lúc đó năm bảy thanh niên cầm cờ, đi một

vòng trên sân khấu, la ó, phất cờ, tượng trưng một đạo quân ra trận.

Một vài đào chạy thoát nạn (vợ Ngũ Văn Thiệu hay vợ Tiết Cương) giữa đường, đến kỳ "nở nhụy khai hoa", trong hậu trường có người nhái tiếng khóc oa tu oa, một người lén đưa cho cô đào một con búp bê (khi xưa thì một "ông làng"), cô đào bồng con búp bê đứng dậy, thế là công việc sinh sản trên sân khấu đã xong; vừa lúc ấy, giặc rượt theo kịp, cô đào không có đường chạy thoát, đành bỏ mạng giữa bãi sa trường, chồng chạy đến than khóc rồi cầm cây thương gỗ làm bộ bới cái nền ván vài ba lần ngụ ý chôn thây vợ.

Khi nghe báo một tin chẳng lành (ví dụ người chết) nghệ sĩ diễn tuồng trợn to đôi mắt, nhún hai vai liên tiếp, chân hia lướt từ bên này qua bên kia sân khấu, ra vẻ hoảng hốt lắm.

Về sự cỡi ngựa, hát bội cũng tượng trưng khéo léo một cách rõ ràng: tay cầm một cây roi ngựa, bắt chân lên quất vào hia rồi chân nhắc đi một vòng, khán giả có cảm giác rằng người nghệ sĩ đang tế ngựa mà chạy.

Cho đến sự vuốt râu cũng có một quy chế sẵn: râu ngắn vuốt như thế nào, râu xồm vuốt như thế nào, râu dài vuốt như thế nào... Còn râu năm chòm của Quan Công thì có một cách vuốt riêng biệt, mỗi lần vuốt đều có ý nghĩa của nó.

Nói tóm lại, bất cứ loại hình nghệ thuật nào cũng đòi hỏi người thưởng thức phải có những hiểu biết cơ bản về nó mới có thể gặt hái được cái thú vị khi thưởng ngoạn. Đặc biệt, đối với hát bội, loại hình sân khấu có tính chất tượng trưng như đã

trình bày, nên nắm được những quy định ước lệ của nó lại càng cần thiết hơn.

Chính vì vậy, chúng tôi góp nhặt các tư liệu từ các sách báo đã xuất bản - đặc biệt là tài liệu Tìm hiểu hát bội *của cố nghệ sĩ Huỳnh Hữu Hạnh do con trai của ông là nghệ sĩ hát bội Hữu Nhi cho phép sử dụng - để biên soạn tập sách nhỏ này nhằm mục đích giới thiệu những qui phạm cơ bản nhất của nghệ thuật biểu diễn hát bội, hầu giúp các bạn đọc khỏi bỡ ngỡ khi đến với loại hình sân khấu truyền thống này.*

Để có thêm hình ảnh minh họa, chúng tôi chọn một số bức vẽ mặt hát bội trong sách Sự tích và nghệ thuật hát bội *của cụ Đoàn Nồng in kèm theo bài viết.*

Khi tập sách này biên soạn xong, chúng tôi được anh Nguyễn Duyên cung cấp bộ ảnh chụp các bức vẽ "mặt tuồng" do nghệ sĩ ưu tú Nguyễn Vĩnh Huế thực hiện. Chúng tôi đưa bộ ảnh này vào sách, in một phần riêng biệt để cống hiến bạn đọc một mảng mỹ thuật độc đáo của loại hình sân khấu truyền thống này.

1.1994

H.N.T

Điệu bộ cơ bản

I. VỀ ĐÔI MẮT

Đối với các diễn viên hát bội, đôi mắt là nguyên tắc diễn xuất hàng đầu. Những suy tư đều được thể hiện bằng đôi mắt, tức mỗi cách nhìn, cách ngó đều biểu thị một thái độ, một trạng huống tình cảm cụ thể. Mình vui, khán giả phải thấy cái vui trong mắt mình; mình buồn, giận, ghét thì khán giả cũng nhận thấy điều ấy trong mắt mình.

- *Ngó nghiêng xuống:* tượng trưng sự suy nghĩ để tìm mưu tính kế gỡ rối, giải nguy.

- *Ngó mơ nhìn:* (đôi mắt mơ nhìn vào người khác) tượng trưng sự yêu đương, ái tình.

- *Đảo lộn không ngừng:* tượng trưng bị tà ma nhập, loạn trí, điên.

Nói theo thuật ngữ của hát bội thì con mắt có nhiều cử động: trợn, trừng, liếc, đảo, ngó. Những từ ấy chắc

không cần giải thích dài dòng, sau đây chúng tôi xin chỉ ý nghĩa của các cử động của đôi mắt.

- *Trợn to:* tượng trưng sự giận dữ.

- *Trừng* (vừa trợn vừa nhìn ngay) tượng trưng nghiêm huấn, nghiêm trị.

- *Trợn sững* (trợn to và ngó sững): tượng trưng sự kinh khủng.

- *Liếc qua liếc lại:* tượng trưng sự oai vệ, hùng dũng của các vai kép võ và các vai đào võ.

- *Đảo tròn:* tượng trưng sự hùng dũng của các vai kép võ khi đối trận với địch tướng.

- *Ngó đằm, liếc chậm:* tượng trưng sự hiền từ.

- *Ngó đằm, chăm chỉ:* tượng trưng sự thương hại, sự thông cảm nỗi khổ của người đối thoại.

- *Ngó nghiêng:* tượng trưng sự khinh người (xem người bằng nửa con mắt).

- *Liếc qua, láy lại* (liếc qua người ta rồi láy lại mình) tượng trưng sự trêu ghẹo người (kép ghẹo đào) hay là (đào ghẹo kép).

II. VỀ TAY

Theo hát bội, ngón tay chỉ luôn có nghĩa. Khi thì chỉ một ngón, khi thì chỉ hai ngón; ngón tay chỉ khi nghiêng, khi úp. Mỗi cử động đều có lý do khác nhau. Dưới đây tôi xin kể những cách chỉ thông thường.

- *Chỉ bằng hai ngón úp, thẳng trước ngực:* là cái chỉ người hay vật ở gần, của kép võ hay đào võ.

- *Chỉ bằng hai ngón tay nghiêng, thẳng xéo hướng:* là cái chỉ người hay vật ở xa, của kép võ hay đào võ.

- *Chỉ bằng một ngón úp, thẳng trước ngực:* là cái chỉ người hay vật hiện diện, của kép văn hay đào văn.

- *Chỉ bằng một ngón úp thẳng xéo hướng:* là cái chỉ cảnh buồn hay vui, hay trông tin, của kép văn hay đào văn.

- *Chỉ bằng hai ngón, quay tròn lên, cả hai tay:* là chỉ đuổi hay chặn không cho người ta chạy thoát.

- *Chỉ một ngón, điểm điểm trước mặt người:* là chỉ để dạy dỗ người ấy.

- *Chỉ một ngón, điểm điểm bên cạnh tai:* là đương lắng tai nghe.

- *Chỉ một ngón, đặt lên gò má:* là nói đến nhan sắc của mình.

- *Chỉ một ngón, để lên giữa miệng và cằm:* là tỏ ra mình mắc cỡ, hổ thẹn.

- *Chỉ một ngón rồi lấy lại chỉ vào mình:* là tỏ ý chọc ghẹo người đối diện với mình (ví dụ Lưu Kim Đính chọc ghẹo Cao Quân Bảo; Phàn Lê Huê ghẹo Tiết Đinh San v.v...)

- *Chỉ một ngón, lêu lêu trước mặt người:* là ngạo nghễ người, chọ người.

Cách chỉ ngón tay, tùy vai tuồng, khi thì dịu dàng, ngộ nghĩnh, khi thì thô kệch, cộc cằn, khi thì hùng hồn, phẫn nộ v.v... Đặc biệt khi đối thoại, kẻ dưới không bao giờ được chỉ vào người trên; bầy tôi không chỉ vào quân thượng; con cái không chỉ vào cha mẹ.

Một nguyên tắc chung cho đào kép về phép CHỈ: hễ chỉ chỗ nào thì mắt phải ngó theo chỗ ấy chứ không được tay chỉ một nơi mà mắt thì ngó một ngả.

Chỉ một phép chỉ như trên, chúng ta đã thấy sự tinh tế của nghệ thuật hát bội. Nó chẳng khác một bản nhạc, có nhịp nhàng, tiết tấu, nếu biết trình diễn cho đúng điệu, thêm sự diễn xuất mặn mòi và sắc sảo riêng của người nghệ sĩ, sẽ thực sự đem lại thích thú cho khán giả vậy.

KÉP VÕ - MẮT TRÒNG XÉO
(Hoàng Phi Hổ, Dương Chấn Tử ...)



KÉP VÕ - MẮT TRÒNG XÉO



KÉP VÕ TRUNG - MẮT TRÒNG XÉO
(Phàn Diệm - con Phàn Định Công - San Hậu)



QUAN VÕ TRUNG - MẮT TRÒNG XÉO



MẶT TƯỚNG - MẮT TRÒNG TRỨNG
Trương Phi (Tam Quốc)
Trương Bào (không râu)
La Oai (Thiên Tống) (cũng không râu)



III. VUỐT RÂU

Hát bội, cũng như các hình thức biểu diễn khác, đưa ra sân khấu đủ hạng người: nam, nữ, trẻ, già.

Vì hát bội thường diễn những tích xưa, mà thuở xưa người Á đông có "mốt" để râu, cho nên sân khấu thường có kép râu: đứng tuổi thì râu đen (ví dụ Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi, Triệu Khuông Dẫn, Cao Hoài Đức, Nhạc Phi v.v...), già thì râu bạc (ví dụ Phàn Đình Công, Ngũ Bá Xa, Lục Phụng Công v.v...)

Râu đen có nhiều thứ: râu ba chòm, râu năm chòm (Quan Công), râu cắt (Mạch Lương, Ngụy Diên), râu quắn (Trương Phi, Tạ Đình Ôn), râu liên tu (Đổng Trác, Tào Tháo), râu chuột (Lôi Nhược, hề).

Râu không phải muốn vuốt sao tự ý, người nghệ sĩ hát bội phải biết cách vuốt theo quy ước đã định sẵn. Nguyên tắc chung của phép vuốt râu: vuốt nửa chừng rồi ngưng lại, ngụ ý mình đang có điều gì thắc mắc buộc phải suy nghĩ; vuốt luôn ngụ ý mình đã suy nghĩ và đã tìm được biện pháp giải quyết thắc mắc rồi. Ví dụ, trong tuồng Phục Hoa Dung, khi nghe Tào Tháo kể ơn dài dòng, ông Quan Công lấy làm phân vân, tay mặt vuốt chòm râu bên mép tai, nhưng vuốt đến nửa chừng thì ngưng, nói lối:

Văn ngôn Tào thừa tướng
Ngô tâm bất tự an
(Nghe Tào thừa tướng kể,
Lòng ta thấy không yên)

Kế đó, Quan Công ra dáng suy nghĩ một chút rồi mở mắt lớn ra, nhìn Tào Tháo đương quỳ dưới đất, tay vừa luồn vuốt chòm râu, miệng vừa nói lối:

Tào công! Niệm tiền án (ta) dĩ đức xả chi

(Này ông họ Tào, ta vì nghĩa trước kia cho nên ta lấy đức mà tha cho đó!)

Ngoài nguyên tắc chung đó, chúng ta nên hiểu nghĩa những cách vuốt râu khác như sau đây:

Râu ba chòm hay **năm chòm:**

- Hai ngón vuốt chòm bên mép, nửa chừng ngừng tay lại: ngụ ý suy nghĩ một điều thắc mắc.

- Vuốt thẳng tay : là ngụ ý đã suy nghĩ xong rồi.

- Hai bàn tay bợ trọn hàm râu thẳng xuống: là ngụ ý mình có điều gì đắc ý, tự mãn, vui vẻ.

- Một tay bợ hàm râu quăng bổng qua một bên: là ngụ ý giận dữ và thách đố người đối thoại.

Râu quắn:

Kép mang thứ râu này đều là tướng dữ như Trương Phi, Võ Tam Tư, Võ Văn Thành Đô, Tạ Ôn Đình... Thứ râu này chỉ có một cách vuốt mà thôi: dùng ngón cái và hai ngón kế lật ngửa ra đẩy từ bên này qua bên kia, rồi lật úp ba ngón láy lại qua bên này. Lúc đắc ý, vui vẻ thì vuốt chậm rãi, còn lúc giận dữ hay bất bình thì vuốt mau nhiều lần liên tiếp.

Râu liên tu:

Râu liên tu là thứ râu không có phân ra từng chòm, mà liền từ mép tai bên này qua mép tai bên kia. Những bọn gian hùng, nịnh thần như Đổng Trác, Tào Tháo, Bàng Hồng, Bàng Như Trung, Tần Cối v.v... Có bộ râu này và thường mặt mốc (mặt mốc, râu rìa).

Râu liên tu vuốt như sau:

- Hai bàn tay ôm hàm râu vuốt xuống, nửa chừng ngừng lại: là ngụ ý có điều thắc mắc, đương suy nghĩ.

- Vuốt thẳng xuống: là ngụ ý xong rồi.

- Một tay choàng qua vuốt kéo trở lại: là ngụ ý "ta đây ai ai cũng phải kiêng nể".

- Lần hai bàn tay phía trong, phất hàm râu ra: là tỏ ý đang giận dữ.

Râu cắt:

Những tướng cạnh thường mang râu này (Mạnh Lương, Giảo Kim lúc trẻ, Ngụy Diên v.v...). Thứ râu này vì quá ngắn nên chỉ có một cách vuốt: trọn bàn tay lật úp đưa qua láy lại trên hàm râu.

Cũng như đối với râu quắn, lúc đắc ý vui vẻ thì vuốt chậm rãi, lúc giận dữ thì vuốt mau và nhiều lần liên tiếp.

Râu chuột:

Râu chuột tức là râu mép, hai chùm mỏng và dài thòng xuống. Thứ râu này chỉ có bọn nịnh hạ cấp và hề mang mà thôi. (Thằng Nhược trong tuồng *San Hậu* mang râu này).

Chỉ có một cách vuốt: dùng ngón cái và ngón trỏ xe mép râu rồi búng lên, bên trái hay bên mặt cũng vậy. Khi vuốt như thế, người nghệ sĩ mang râu này chỉ ngụ ý làm cho khán giả ghét con người tiểu nhân hèn hạ mà thôi.

IV. CHÂN

Trên đây chúng tôi đã nói về bộ CHỈ, RÂU, bộ VUỐT RÂU, đó cũng là một phần điệu bộ của tay rồi. Trước khi đề cập đến điệu bộ chân (có thể nói là phần khó nhất của hát bội) bạn đọc nên làm quen trước với một bộ tay rất thông dụng của hát bội, gọi là bộ KHAI.

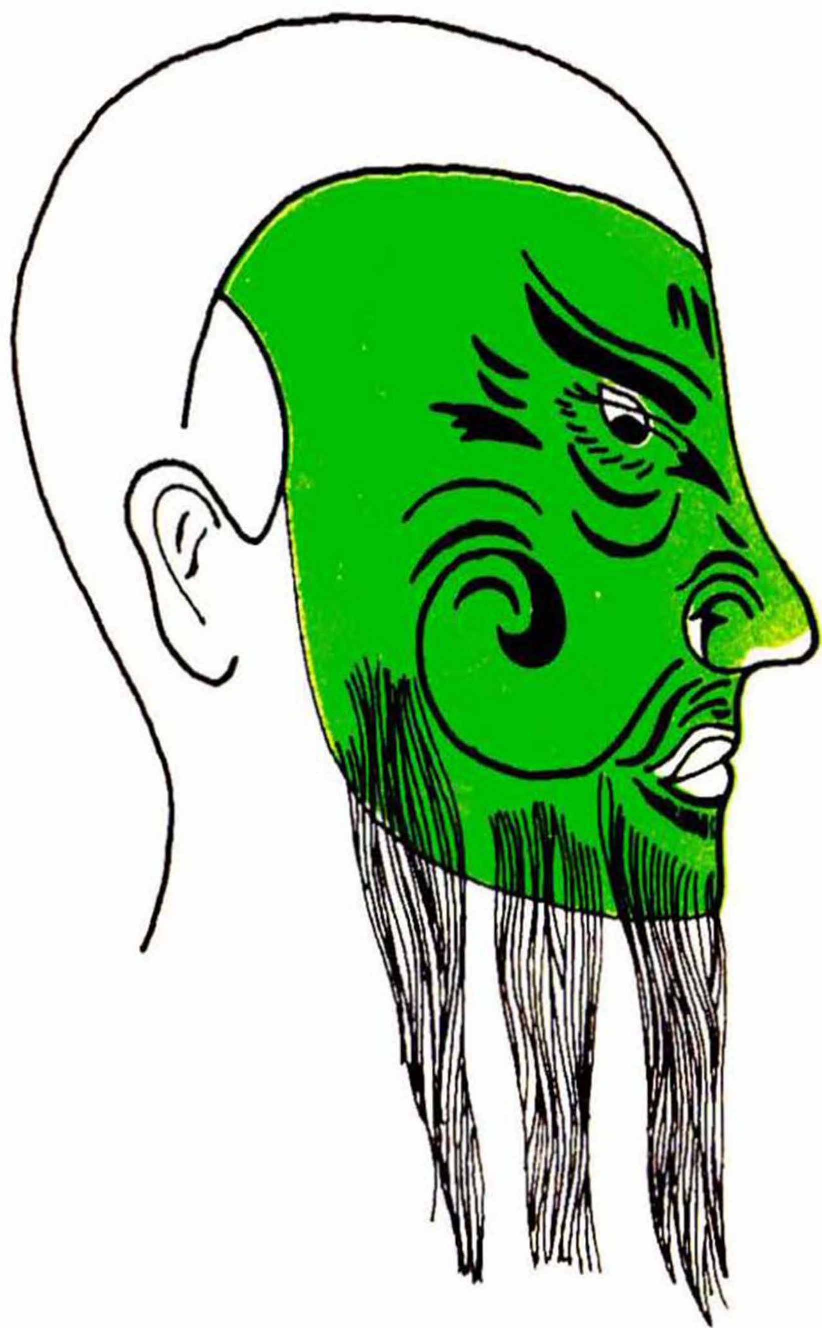
Nghệ sĩ đóng vai võ, tay có cầm vũ khí hay không, trong buồng bước ra trước phải dùng hai tay mà múa bộ KHAI có vẻ như mở ra vậy: kế đó lấy chân mặt mà NIÊM (đặt cái chân hơi nghiêng, gót chân hơi lỏng đất) sau bàn chân trái, rồi đặt chân THINH lên (chân cong hơi đưa cao ngang gối) và liền đó KÝ xuống (đặt gót chân xuống

QUAN CÔNG

(Xích diện, thanh tu, tàm my, phượng nhãn)



QUAN CÔNG



BAO CÔNG (Tống)
(Trán có mặt trăng và liên my sao Bắc đẩu)



TRỤ VƯƠNG (đỏ đấm, ướt)
[Mặt Đồng Kim Lân (đỏ tươi),
Triệu Dinh Long (Gian Chân Tử)...]



THẦY RÙA - MẶT THAU
[Dư Hồng (Tam hạ Nam Đường)]



TƯỚNG NINH
(Tạ Ôn Đình - Sơn Hậu)



TƯỚNG NỊNH
[Tạ Ôn Đình (Sơn Hậu)]



đất, ngón chân hơi đưa lên) trước bàn chân trái CẦU tròn lên cao (chân hơi cong đưa lên cao) xây tròn cái mình ba vòng, xong rồi chân trái để xuống đứng hình chữ đinh.

Những bộ KHAI của hai tay, và những bộ NIÊM, THINH, KÝ, CẦU của hai chân phải cần thấy biểu diễn mới quan niệm một cách rõ ràng được, nơi đây chỉ thuật qua cho bạn đọc có một ý niệm vậy mà thôi.

Đào võ khi trong buồng bước ra cũng phải làm y như vậy, có điều phải múa kín đáo hơn, chân không giơ lên cao và không hở hang như kép vậy. Chính vì thế mà bộ múa của đào võ xem vừa đẹp mắt mà vừa thanh nhã không có chút gì lố lăng.

Sau đây, chúng tôi xin nói qua về điệu bộ tổng quát của mỗi vai hát bội.

Lão võ: chân đi chậm rãi, mỗi bước đều phải THINH gối lên, khi bỏ chân xuống phải đứng theo hình chữ đinh.

Lão võ thì mang râu liên tu trắng, trong trào thì mặc MÃNG, ra trận thì mặc GIÁP. Ví dụ: lão Phàn Định Công (tuồng San Hậu).

Lão văn: phải tề chỉnh, chân đi theo hình chữ đinh thẳng gối, khi đứng hai chân khít lại (không hở hang như lão võ). Mang râu trắng ba chòm. Tại trào mặc LONG BÀO, ra ngoài mặc CẨM BÀO.

Lão tiều: chân đi đứng theo hình chữ đinh, lụm cụm, hơi còm lưng, râu ngắn bạc ba chòm, quần áo màu nâu, đầu bạc vấn khăn xéo.

Lão tu tiên: đi đứng đằm thắm, thẳng gối, chữ đinh khít, râu ba chòm đen hay trắng, ở trong mặc quần áo vàng, ra ngoài mặc áo BÁ NẠP.

Vua Tống: tức là vua Tàu (Tống, Đường, hay Minh) đi đứng tề chỉnh, chữ đinh khít, có râu hay không tùy theo vai tuồng, mặc Mãng rồng, đội mão Cửu Long vàng.

Vua Phiên: đi đứng cũng như các vai võ tướng, có râu hay không tùy theo vai tuồng, mặc Măng Rồng, đội mão Cửu Long xanh.

Tướng râu ngắn: (tức là tướng dữ như Trương Phi, Võ Văn Thành Đô, Tiết Cương v.v...) đi đứng chữ đinh thẳng gối, khi đối chiến chân *Lia xóc* nếu thắng, khi bại thì *chân bê*. Ở trong trào thì mặc *long chấn*, ra trận thì mặc *giáp*, đội *đoi* hay đội *kim khôi*.

Tướng râu quấn cài đầu như Trương Phi thì cũng một điệu bộ, nhưng lưng hơi cong một chút. Trương Phi phải hét lớn, mắt trợn to (thinh như lôi, mục như điểu) không hề **BÊ SÀNG** (không hề sợ ai và chịu thua ai).

Tướng cạnh: đi, đứng, thinh gối thấp, múa nhanh, lia chạy nhỏ. Mặc *song mang*.

Hoài tử: tướng ở rừng, núi, tướng nghèo (như Châu Xương). Điệu bộ cũng như các tướng mặc *song mang* trên đây. Râu cắt hay không râu tùy theo vai tuồng.

Kép võ: đi đứng chữ đinh khít. Thinh cẩu cao, múa vẻ mạnh dạn. Thường đội *kim khôi*.

Kép văn: đi đứng chữ đinh khít, nhẹ nhàng chậm rãi.

Kép cợt: đi đứng lăng xăng, không hàng ngũ, thứ tự chi cả.

Đào võ: đi đứng chữ đinh khít. Múa bộ oai vệ nhưng kín đáo, chân không giơ cao, không bước lớn.

Đào văn: đi đứng chữ nhất, nhẹ nhàng chậm rãi.

Đào cợt: đi khi chậm khi mau, không có quy chế gì cả.

Lão bà: chân đi chậm, lưng còm.

V. CỠI NGỰA

Bộ điệu cỡi ngựa của hát bội thực là khéo léo. Mặc dù là tượng trưng, người xem có cảm tưởng rõ rệt rằng

MẶT YÊU TĂNG
[Mặt đả Tăng (Vạn Bửu)]



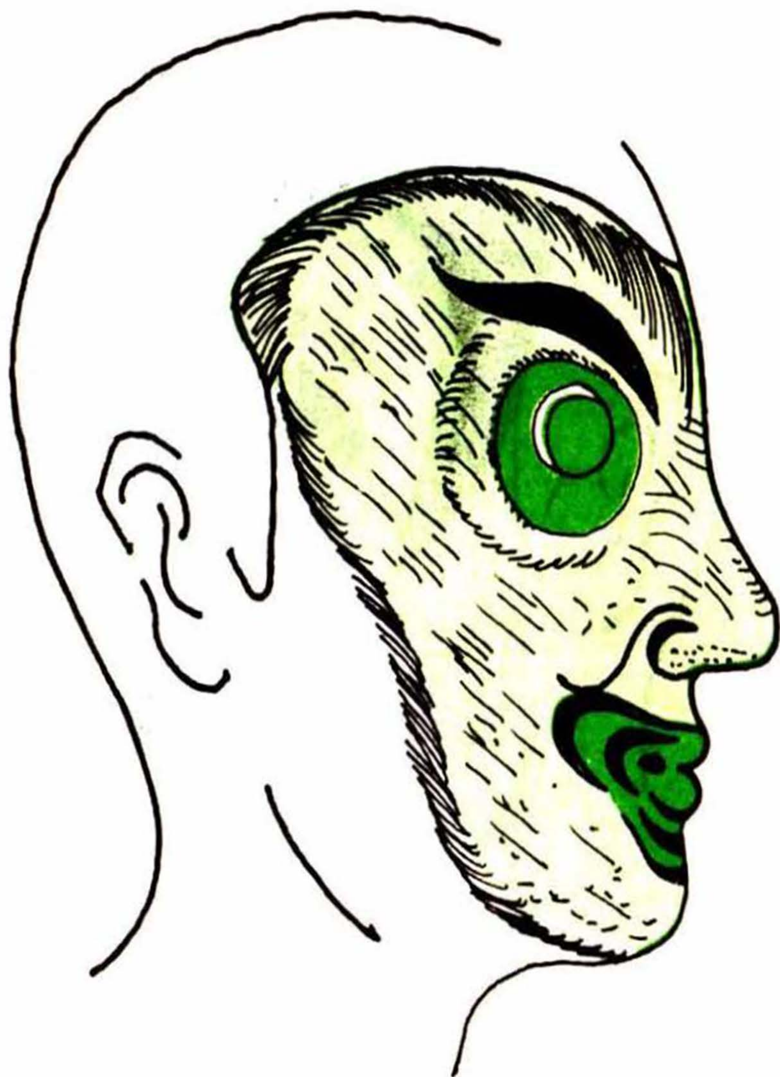
KHỈ TU THÀNH YÊU TIÊN

[Đại Thánh Tề Thiên (Tây du)

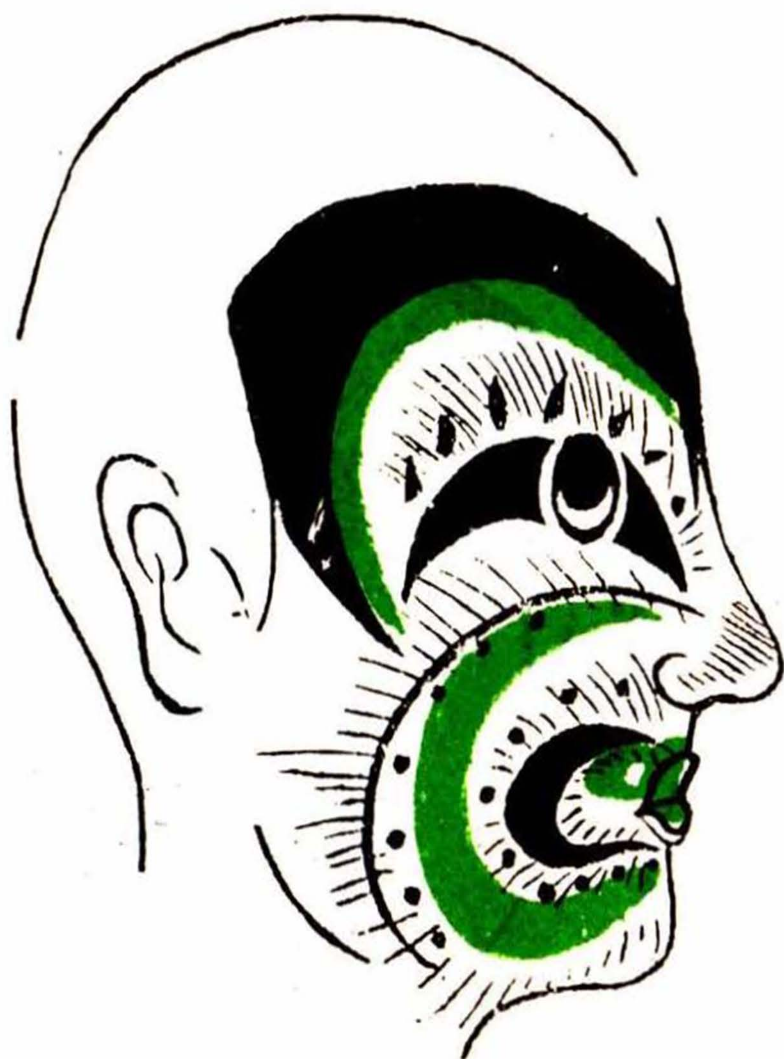
Lục nhĩ Hầu (Giác sanh Duyên)

Bạch Viên (Phong thần)

Viên Hồng (Phong thần)...]



YÊU HỒ LY (Phong thần)



KÉP VÕ NỊNH
[Bạt Hổ (Dương Chấn Tử)



nghệ sĩ trên sân khấu đang cỡi ngựa. Chỉ có một roi mà làm cho người xem có cái cảm giác như thế, hát bội quả không phải là một nghệ thuật tinh vi hay sao?

Kịch sĩ hát bội tài danh cũng phải mất hết sáu tháng trời để học cho sành điệu bộ cỡi ngựa. Người cỡi ngựa đã mất nhiều công phu như thế đã đành, kẻ giữ ngựa cho chủ cũng không phải là không tốn công mà đóng vai tên quân giữ ngựa được.

Thực vậy, trong một buổi trình diễn hát bội, khi nghe anh kép võ gọi "mã lai" (hãy đem ngựa đến cho ta), khán giả thấy trong buồng ló ra cái roi ngựa rồi thụt vô, rồi lại ló ra, kế đó tên quân giữ ngựa té nhào ra như bị ngựa đá lộn ngược ra trước, tay cũng vẫn còn cầm cái roi; rồi với cái roi ấy, anh giả bộ làm chứng (trong buồng có tiếng ngựa hí), anh vỗ gáy nó ra dáng kềm dỗ nó... Chừng nó giao cái roi cho anh kép thì anh này mới lấy điệu bộ lên ngựa.

Muốn làm điệu bộ "lên ngựa" nghệ sĩ hát bội phải dùng chân trái *thinh* lên cao (ngụ ý bước lên chân đứng) rồi để chân trái xuống, tay cầm roi ngựa quất vào chân mặt (ngụ ý đã lên ngựa), tay trái nắm lại (ngụ ý nắm dây cương), tay mặt giơ roi ngựa lên cao (ngụ ý giục ngựa), liền theo đó hai chân đi lẹ, bước ngắn (ngụ ý tế ngựa).

Hát bội Quảng Đông cũng có một điệu bộ cỡi ngựa gần giống như hát bội ta. Muốn ra bộ NGỰA TẾ, nghệ sĩ Quảng Đông co chân trái lên, dùng chân mặt mà nhắc đi đều đều một vòng sân khấu. Còn khi nào dùng hai chân nài bước lớn thì ngụ ý ngựa sải. Điệu bộ này có nhiều nghệ sĩ hát bội của ta cũng nhái theo.

Khi xuống ngựa, nghệ sĩ bước qua một bên rồi ra bộ tháo dây cương cột vào cột cây, quăng roi ngựa xuống đất.

VI. VÀO NHÀ, RA NHÀ

Làm bộ bước vào nhà, nghệ sĩ hát bội dùng chân trái *Thinh* lên rồi bước qua, ngụ ý bước qua khỏi ngạch cửa để vào nhà trong.

Đến khi bước ra khỏi nhà, nghệ sĩ dùng chân mặt *Thinh* lên, bước lớn qua, ngụ ý bước qua khỏi ngạch cửa để đi ra ngoài.

Nếu vào một cái chòi thì đồng thời phải cúi đầu xuống thấp khi vào cũng như khi ra, ngụ ý "cúi đầu lòn thấp mái nhà" như cụ Nguyễn Du đã mô tả trong truyện Kiều.

VII. NGỒI GHẾ

Khi ngồi lại trên ghế để ở sân khấu, nghệ sĩ hát bội (trừ vai hề) không phải ngồi đại thế nào cũng được đâu. Ngồi phải để hai chân chấm đất theo hình chữ đinh (một bàn để nằm ngang, một bàn để nằm dọc, theo hình chữ đinh giống như chữ T hoa nằm ngược vậy).

Lúc sau này, chúng tôi thấy có vài đào kép ngồi "tréo mảy". Như thế là sai lầm rồi vì nghệ sĩ hát bội không bao giờ ngồi như thế, ngoại trừ khi làm hề thì muốn sao tự ý cốt để chọc cười khán giả thì không kể.

VIII. BỘ CHÂN LẪN TAY

Múa thường dùng chân lẫn tay.

Trên đây, chúng tôi có chỉ những bộ chân riêng và tay riêng. Đây, chúng tôi xin chỉ những bộ trong đó nghệ sĩ dùng chân và tay lẫn lộn.

Ấy là những bộ: *xỏ léo, dang (dương) oai, lật, thinh, luông, lia thuận nghịch, bê.*

Xỏ léo: bàn tay trái xỏ trong nách tay mặt, tay mặt choàng lên tay trái, cuốn tròn luôn thân mình và chân múa tròn một vòng.

Dang (dương) oai: xè hai bàn tay tréo ngoe, quây tròn trước ngực rồi dang ra hai bên trái và mặt, hai chân cũng tréo qua lại như hai tay vậy.

Lật: chân mặt co lên rồi để xuống. NIÊM sau gót chân trái, ngả úp mình thẳng lưng rồi *thinh* chân trái lên cao, lật cả mình ngửa dậy cho gọn. Trong lúc ấy hai tay chống nạnh, khi lật ngửa mình rồi thì tay chỉ theo hướng tùy vai tuồng.

Ba bộ *xỏ léo, dang (dương) oai* và *lật* đều có dùng trong lối bạch của những kép võ. Đào võ có dùng hai bộ *xỏ léo*, và *dang oai* trong khi bạch nhưng không dùng bộ *lật*, thành thử bộ này chỉ dành riêng cho kép mà thôi.

Thinh luông: chân trái *thinh* lên cao thẳng gối, chân mặt chấm đất cho tề (tức là cho vững chắc). Tay trái sè âm (tức là sè mà úp xuống, còn sè dương là sè ngửa ra), thẳng cánh, tay mặt giơ cong lên ngang trán sè dương phía bên mặt rồi ngồi xuống chấm đất.

Bộ này Cao Hoài Đức dùng lúc xét cung (tuồng *Trảm Trịnh Ân*) hay Châu Du dùng lúc mời Quan Công uống rượu (tuồng *Giang Đông phó hội*).

Lia thuận nghịch: hai bàn chân chấm đất, chúm lại, nhón gót lên, cùng một lúc nhắc liên tiếp từ bên này qua bên kia, như thế gọi là *lia*. Lia thuận: một vòng tròn qua phía bên mặt; lia nghịch: trở lại một vòng tròn qua bên trái. Trong lúc ấy tay mặt cặp dây thương đứng sau lưng, còn tay trái cung tròn đưa ra trước. Cặp mắt trợn to lên.

Lia như vậy cho đến ngay trước mặt kẻ địch mới thôi. Nghệ sĩ dùng bộ *lia* để tỏ ý khinh rẻ đối phương cho nên khi đến trước mặt đối phương thì thường ra bộ phun nước miếng hay hất cằm hay dùng ngón tay cái chỉ vào mình, còn ngón tay út thì chỉ vào kẻ nghịch.

Ví dụ: Tạ Ôn Đình với Phàn Diệm trong lớp thứ ba tuồng San Hậu.

Bê: bộ này đào kép thường dùng trong những khi nghe báo một hung tin, ví dụ Đào Tam Xuân nghe báo Trịnh Ân chết, Hoàng Phi Hổ nghe báo Giả Thị đã bị đá rớt xuống Bá Lạc Đài...

Các kép võ hay kép văn pha võ, khi *bê* phải chúm bàn chân lại, nhón gót cùng một lúc nhấc mau từ bên này qua bên kia, với vẻ uyển chuyển lắm. Khi đến bên kia rồi thì trở lại bên này.

Nói như trên, bộ bê cũng hơi giống bộ lia, nhưng bê có vẻ yếu đuối, còn lia thì có vẻ mạnh mẽ và chẫm hẫm.

Đối với đào võ, thì *bê* với một điệu bộ khác: hai bàn chân để sát dưới đất, gần khít nhau, rồi cùng một lúc nhấc nhẹ nhẹ từ bên này qua bên kia và trở lại.

Trong lúc *bê*, đào hay kép có bộ mặt biến sắc, hai tay run rẩy tỏ vẻ kinh khủng lắm.

Kép văn cũng *bê* một điệu như đào.

Điều nên để ý là về *lia* cũng như *bê*, điệu bộ hai tay và mặt mày đi đôi với sự lia hay bê ấy. Người *lia* thì hay tay (hay một tay) nắm chặt lại, cung ra, tỏ vẻ khiêu khích đối phương, còn người bê thì hai tay bủn rủn, bộ mặt hơ hải.

IX. XÓC XÔNG

Bộ "xóc xông" là một điệu bộ của cái mặt. Tướng võ mặt đen, mặt rằn rực thì phải *xóc* lên. Hai gò má rung động lên, gọi là *xóc xông*. Đồng thời nghệ sĩ trợn mắt to lên phun râu ra, ngụ ý người hùng mạnh hung dữ. Những kép này là Trương Phi, Tạ Ôn Đình, Võ Văn Thành Đô, Trương Khuê, Võ Tam Tử, Tiết Cương v.v...

Yêu cầu cơ bản đối với đào kép hát bội là bộ mặt phải biểu lộ được tình cảm của mình. Chẳng hạn đóng vai Trương Phi mà bộ mặt im lìm, không biết xóc xông thì không ra ông tướng nóng nảy này. Do đó, khi vừa trong buồng ra, chỉ bộ mặt và cặp mắt của nghệ sĩ cũng

đủ làm cho khán giả thấy được tính cách hung tợn và tài lực của mình, mặc dù chưa phải cất tiếng hát câu nào. Chỗ hay, chỗ khéo của sự tượng trưng của hát bội là như vậy.

Lưu ý: Kép, đào mặt đỏ hay mặt trắng không dùng bộ xóc xông.

X. MÀU MÈ

"Màu mè" là thuật ngữ chỉ tài năng biểu hiện các trạng huống tâm lý của các vai diễn: vui, buồn, giận dữ, sợ hãi...

Khi vui thì mặt hân hoan, mắt sáng, giọng cười giòn giã. Tất nhiên, người trung vui khác với kẻ nịnh, kép vui phải khác đào.

Khi buồn, lúc gặp cảnh ngộ bi đát thì diễn viên vừa cất giọng nói lối thương, mắt rưng rưng lệ; khi dứt lối thông qua Nam ai thì lệ tuôn dầm dề để làm cho người xem phải động lòng.

Khi giận, diễn viên dùng một miếng gỗ lớn bằng bàn tay, đập mạnh xuống bàn hay ghế bốp bốp. Tay chỉ, miệng thét to dùng lời rầy rà, dạy bảo. Cũng có khi dùng điệu bộ và lời nói mà không dùng miếng gỗ.

Khi sợ, diễn viên dùng nhiều điệu bộ khác nhau để thể hiện: cúi rạp mình xuống, mắt láo liên, mặt thất sắc, hai bàn tay chắp lại, chân bước nhẹ, chân cóm róm.

Ganh ghét là trạng huống tâm lý phổ biến trong các tình tiết diễn tả sự ghen tức của các chánh hậu với các thứ phi, nhất là bà thứ nào có sinh hoàng nam. Diễn viên thường nghiến răng trong lúc nói, mặt hầm hầm, tay run vì giận...

Thương yêu là tình cảm giữa cha con, vợ chồng. Theo quan điểm truyền thống thường không thể hiện ra ngoài một cách lộ liễu, trừ trường hợp vợ chồng phải xa cách nhau thì chồng hoặc vợ vịn vai nhau để than vãn, không có âu yếm quá mức được.

Cách hóa trang

Cách hóa trang của hát bội không có tính chất hiện thực mà hoàn toàn tượng trưng. Vì thế người xem hát bội phải biết ngay khi diễn viên trong buồng bước ra sân khấu là người gì: lão, tướng, kép văn, kép võ, v.v... nhất là biết ngay y là người Tống (Tàu) hay là người Phiên, người trung hay người nịnh. *Trung*, nghĩa là trung với nước: cha hiền, con hiếu, vợ thảo, chồng lành, bạn thiện thủy thiện chung; còn *Nịnh* là lừa thầy phản bạn, lòng chứa những ý tưởng xấu xa, giàu đổi bạn, sang đổi vợ, nhất là mong lòng tiếm đoạt ngôi vua, không kể gì đến tam cang ngũ thường.

Cách hóa trang của hát bội gồm có cách vẽ mặt, trang phục và cách mang râu tóc.

I. CÁCH VẼ MẶT

Làm nghệ sĩ hát bội, phải có ít nhiều hiểu biết về hội họa vì thường chính mình vẽ mặt cho mình. Ai thường xem hát bội cũng phải nhìn nhận rằng có nhiều kép vẽ

mặt thật khéo, dù cho là một họa sĩ chuyên nghiệp cũng chưa chắc đã hơn, vì có nhiều bộ mặt khó vẽ như Tạ Đình Ôn, Trương Phi, Dư Hồng vân vân. Hát bội tự vẽ nhiều bộ mặt có thể nói là mỹ thuật, ví dụ như bộ mặt Trịnh Ân, khán giả thấy rõ là bên lớn bên nhỏ, một con mắt lớn một con mắt nhỏ y như trong chuyện Phi Long miêu tả vậy, bộ mặt Hạ Hầu Đôn chột mắt (vì đánh giặc bị tên lọt tròng) thấy rõ là người một mắt; bộ mặt Chung Vô Diệm rằn rực, răng lộ tợ nanh, làm cho khán giả nhận đúng như câu tục ngữ "Đẹp như Tây Thi mà không hay trang điểm, xấu như Vô Diệm mà lại thích trau dồi". Đến như những mặt yêu, bàng môn tả đạo, Hạng Võ v.v... thực là vẽ cho khéo phải mất nhiều công phu.

Hát bội vẽ mặt không phải cố ý muốn đi cho gần sự thật mà trái lại, chỉ muốn dùng màu sắc mà tiêu biểu tánh tình mà thôi.

Quan văn trung: mặt trắng (mặt thiệt); nếu là lão thì vẽ thêm chân mày trắng.

Quan võ trung: mặt đỏ, có lẽ căn cứ vào mặt ông Quan Công. Truyện *Tam Quốc Chí* chép rằng Quan Công mặt đỏ như gấc. Đôi khi mặt đỏ tròng táo (ở dưới con mắt có nhiều quầng đen) như Nhạc Phi, Phàn Định Công v.v...

Nhưng nên để ý kép Phàn Diệm thì cũng có tròng đen nhưng có râu, nên vẽ mặt tròng xéo. Phàn Định Công lúc thứ nhất râu đen thì vẽ tròng táo, đến hồi San Hậu thứ ba râu bạc vẽ tròng lỏa.

Tướng: mặt vẽ đen lẫn trắng, thường thêm vào chút ít đốm đỏ, trông thấy bộ dữ tợn: Trương Phi, Trịnh Ân, Trịnh Oai (con cháu Trịnh Ân) thì vẽ tròng trứng.

·*Tướng Phiên*: mặt rằn rực. Tướng Phiên thường đeo hai lông trĩ trên mão. Lúc sau này, có lẽ vì lý do thẩm mỹ hễ là tướng thì luôn luôn trên mão có đôi lông trĩ dài,

dù là tướng Phiên hay tướng Tống cũng vậy. Ngày nay, cho đến đào võ cũng giắt lông trĩ cho có vẻ oai phong.

Thầy Rùa: tức là những thú vật tu lâu năm thành địa tiên (triệt giáo) như Dư Hồng, Dư Triệu, Hồ Ngươn v.v... Thường gọi là tả đạo bàng môn. Mặt có vằn vện, đeo mắt thau, bụng to chướng lên (bựng phép).

Nịnh thần: mặt xám, mặt vỏ cua, mặt đỏ lợt, mặt mốc (như Tào Tháo: mặt mốc, râu rìa). Chỗ giữa hai con mắt có một đốm trắng.

Tiên: tức là người tu hành thành thiên tiên. Mặt trắng (mặt thiệt) hai bên gò má có hai đốm đỏ, râu đen. Ví dụ: Trần Đoàn lão tổ (Hi Di tiên sinh, nhờ ngủ mà thành tiên). Nam Cực tiên ông, Thái Ất chơn nhơn, Liễu Nhất chơn nhơn (Tôn Tẩn) v.v...

Kép núi: mặt vẽ xanh xám, mắt tròng xéo, có một cái vòng xéo trên mắt), má đỏ, đen hay xanh, đầu có khăn đen.

Đào: mặt trắng (mặt thiệt).

Trên đây là nói một cách tổng quát. Có những đào hay kép có bộ mặt riêng biệt, không giống ai mà nghệ sĩ hát bội cần biết để vẽ cho đúng.

Ví dụ bên đào thì có Chung Vô Diệm mặt phải vẽ có vằn có vện, có hai cái răng lộ ra ngoài và trên đầu có ba cái sừng nhỏ.

Bên kép thì có nhiều mặt khác biệt. Mặt của Quan Công thì đỏ bầm, mày tằm mắt phụng (mi tằm phụng nhãn), râu đen dài năm chòm. Mặt của cha Hoàng Phi Hổ cũng đỏ, nhưng có gân trắng chạy dài theo hai bên sống mũi. Triệu Khuông Dẫn cũng mặt đỏ nhưng chân mày nối tiếp theo như hình chữ nhật (hồng diện liên mi).

Mặt Trịnh Ân thì không đều, mắt lớn mắt nhỏ. như đã nói ở đoạn trên. Mặt Hạ Hầu Đôn thì chột một con

mắt. Mặt Đơn Hùng Tín thì xanh như chàm, râu lại đỏ. Ngô Tôn Quyền cũng vậy.

Tưởng nên nói thêm rằng chỉ có cái mặt của Thổ Địa thì không vẽ, mỗi khi có đóng vai Thổ Địa thì nghệ sĩ mang cái mặt nạ thổ địa vào.

Sự vẽ mặt của hát bội, đại khái, dựa vào sự phân biệt một cách tượng trưng, người Tàu với người Phiên, kẻ trung với đứa nịnh. Một khi bạn đã xem phần này rồi thì trên sân khấu hát bội bạn phân biệt được ngay những loại nói trên.

II. CÁCH TRANG PHỤC

Theo trong sách *Sự tích và nghệ thuật hát bội* của Đoàn Nồng, trang phục của hát bội rất giống y phục của các quan triều Nguyễn trước đây và vì thế mà nó có tính cách "tả chân" chứ không có tính cách tượng trưng như điệu bộ, dàn cảnh, vẽ mặt v.v... Lúc sau này, nhất là ở Miền Nam, hát bội ta trang vận giống như hát Quảng Đông nhất là mấy đoàn hát ở Sài Gòn có dịp mua lại những xiêm áo các đoàn Quảng Đông qua Việt Nam hát. Y phục của hát bội Quảng Đông hay Thượng Hải cũng căn cứ vào một nguyên tắc như hát bội ta, nhưng có phần lòe loẹt, rực rỡ hơn nhiều.

Y phục thường dùng trên sân khấu hát bội là:

Vua: đội mão "cửu long", mặc áo "long bào" hay "long cổn" cũng gọi là "huỳnh long châu". Mão, áo ấy có nạm hay thêu hình rồng. Lắm khi có thêm một cái đai vàng tức là cái thắt lưng. Chân mang hia, ống quần của nghệ sĩ cuốn lại bỏ vào hia, ngoài cái quần có một cái áo xiêm để che cái quần (ngày nay hát bội đã bỏ cái xiêm, trừ khi nào không có mặc giáp hay mãng, vì giáp và mãng che khuất, không cần gì thêm một cái áo xiêm cho nực).

Quan văn: đội mão "văn công" chóp mũ tròn (sứ thần, hoạn quan, quân sư), mão "bình thiên" chóp bằng màu đen (thái sư, thừa tướng), mão "cánh chuồn" giống như của các quan triều.

Thường triều mặc áo "bào" tay rộng, có "trăng" y như áo rộng bằng gấm của các quan triều thuở trước.

Đại triều thì mặc "mãng" là áo có hai cánh diều, có đai, thêu rồng bốn móng.

Quan võ: đội mão "đồng cân" màu đỏ, mão "bình thiên" màu đỏ hay xanh, mặc áo "long chăn" màu xanh hay đỏ, tay hẹp, có đai, rất gọn gàng.

Tướng xuất trận: đội mão "kim khôi" ba tầng như bằng đồng, bằng sắt, chóp nhọ; mặc áo "giáp" là thứ áo dày, có nhiều mảnh thêu rồng phượng, to, dày để đỡ mũi tên, sau lưng ngang vai có hai chòm cờ "lịnh tiễn" để ra lịnh cho quân sĩ tuân hành; lịnh tiễn của nữ tướng thì xéo, của nam tướng thì vuông. Dù là tướng Phiên hay tướng Tống đều có giắt một cặp lông trĩ cho đẹp.

Như nói trên, ngày nay lắm khi hát bội dùng y phục của Tàu, có vẻ bề bộn hơn y phục của ta nhưng rực rỡ và cũng đắt giá hơn nhiều.

Yêu: xiêm, giáp như của tướng, có khi mặc một cái áo màu vàng, vẽ từng lằn đen giống như da hổ, mặc vào coi hung dữ lắm.

Kép núi: chít khăn đen ta; dưới vành khăn có cho lòe ra ba lớp cỏn con vải đỏ để đỡ cái khăn đen, vải đỏ ấy gọi là "khăn hường"; mặc áo đen thường của ta lưng có thắng "xiêm trường" là những tấm vải màu thay cái xiêm, có thắt "quần giáp" là những mảnh giáp treo từ thắt lưng trở xuống (ngụ ý nghèo nàn chưa có cả cái giáp, cả cái xiêm), ống quần xếp, cuốn rồi cột lại gọi là quần "xa phu". Trên đây là nói theo xưa, ngày nay hát bội cải cách khá nhiều.

Học trò: mặc giống như kép núi (vì học trò là giỏi văn, giỏi võ, mặt trắng hay mặt đỏ).

Đào: hoàng hậu đội mão "cửu phụng" là một thứ mão có tua, hạt kim cương và chạm chín con phụng (Số chín tượng trưng vua và hoàng hậu: cửu trùng, cửu long, cửu phụng v.v...).

Vợ quan đội mão "thất phụng", mặc áo rộng, ngoài áo rộng có áo thêu tua, khuy gài giữa, không có tay, cũng như cái cape của người Tây phương, gọi là áo "bùi tiêm", phía dưới mặc "xiêm" dài tới gót chân, mang vớ đi giầy Tàu. Đôi khi có thêm một cái đai.

Đào võ ngày nay mặc áo giáp đào võ của Tàu, xem rất gọn và oai vệ, lại thêm thẩm mỹ nữa.

Vì hát bội thường diễn tuồng rút từ truyện Tàu, nên dùng y phục Tàu. Lúc sau này, có những tuồng lịch sử Việt Nam, thì họ cũng ăn mặc đúng theo Việt phục.

III. RÂU TÓC

Râu và tóc ở trong thành phần sự hóa trang và cũng được qui định sẵn.

Quan Công (Tam Quốc): Râu đen dài năm chòm.

Quan văn: râu đen dài ba chòm.

Lão văn, lão võ: râu bạc dài ba chòm.

Tướng Phiên: râu đỏ.

Nịnh thần: râu liên tu.

Học trò: không râu.

Kép núi: không râu hay râu đen.

Tướng dữ: râu đen quắn (như Trương Phi, Võ Tam Tư, Tạ Ôn Đình).

Tướng cạnh: râu đen cắt.

Nên để ý kép mặt xanh thì luôn luôn mang râu đỏ, như Cáp Tô Văn, Đơn Hùng Tín, Ngô Tôn Quyền. Chỉ có kép Mạnh Lương và kép Giảo Kim trẻ là đặc biệt mặt đỏ râu đỏ mà thôi, và kép Lưu Khánh mặt xanh nhưng râu dài đen.

Như ta thấy, râu tóc của hát bội cũng không có tính thực mà dùng màu râu, râu dài hay ngắn mà tượng trưng tính người. Kẻ trung lương chính trực thì mặt trắng hay đỏ, râu dài đen ba chòm hoặc năm chòm suôn đuột; bọn sủng nịnh tà gian thì mặt mốc râu rìa, võ tướng dữ dằn thì mặt đen râu quắn, hàng tướng cạnh thì chỉ mang râu cắt thôi, tướng "Phiên" (có nghĩa nghịch với triều đại chính thống) thì thường mặt xanh râu đỏ; hề thì râu chuột.

Các giọng hát

Hát bội có nhiều giọng, nói lối, hát nam, hát khách, xướng, bạch, ngâm, thán, cán, quân bang, quân bài...

I. NÓI LỐI

Có bốn cách: lối xuân, lối ai, lối xẳng, lối thường.

1. *Lối xuân:* nói chậm rãi, nghiêm nghị thường dùng để xưng tên, đối thoại.

2. *Lối ai:* dùng để tả tâm sự đau buồn trước cảnh sinh ly tử biệt.

3. *Lối xẳng:* nói nhanh hơn lối xuân và lối ai, được dùng trong lúc giận dữ hay khi tỏ bày điều khí khái.

4. *Lối thường:* là lối nói những câu văn xuôi.

II. HÁT NAM

Là hát những câu hát được viết theo thể văn vần thông thường (lục bát, song thất lục bát, lục bát gián thất). Hát nam có 5 điệu tùy theo từng cảnh ngộ: Nam

xuân, Nam ai, Nam dựng, Nam chạy, Nam biệt và đặc biệt là điệu Lý Nam qua ai.

1. *Nam xuân* có sắc buồn nhẹ nhàng và thi vị thường diễn tả tâm trạng trong những phút ly biệt hay sầu tình hoặc dùng để tả cảnh, tả tình. Trước khi vào Nam xuân, đào kép thường nói bốn câu hoặc hai câu nói lối xuân rồi mới bắt qua Nam xuân.

2. *Nam ai* hát trong cảnh khổ đau não nề, diễn tả tâm sự đau thương của vai tuồng: cha em, vợ chồng, quân thần... ly biệt. Điệu Nam ai là điệu hát mà đào kép thường làm mủi lòng khán giả và cũng qua đó phô diễn tài nghệ và hơi hám của mình. Cũng như Nam xuân, hát Nam ai cũng phải bắt đầu bằng những câu lối ai rồi mới vào bài chính.

3. *Nam dựng:* có hơi xuân, nhưng tiếng phát âm hơi dựng đứng để tỏ ra sự cứng rắn của tâm tư.

4. *Nam bán xuân ai* là điệu hát nửa xuân nửa ai. Những câu vui thì hát xuân, những câu buồn thì hát qua ai, tức tùy theo câu văn mà hát. Đang hát Nam xuân muốn qua Nam ai cần phải gạt nước mắt vừa để diễn tả cái nỗi buồn vừa làm hiệu cho dàn nhạc đổi qua ai.

5. *Nam chạy* thường sử dụng lúc bị quân tướng của giặc truy nã, hay lúc bị lạc vào rừng. Diễn viên vừa chạy vừa hát Nam gọi là Nam chạy.

6. *Nam biệt* thường hát trong vợ chồng, mẹ con, anh em... sắp từ biệt nhau, kẻ ở người đi. Người đi đã quay lại vào trong buồng hát, kẻ ở lại nhìn theo kêu: Bớ phu quân, hoặc bớ mẹ, bớ anh rồi hát vào câu Nam biệt (còn gọi là Nam dứt).

7. *Nam thoàn* (còn gọi là Nam thiền) là giọng hát Nam đặc biệt của những vai tăng ni như vai Nguyệt Kiểu trong tuồng San Hậu.

8. *Lý Nam* qua ai thường hát lúc đào ngồi thêu thùa hay mẹ ru con ngủ trong cảnh vắng vẻ cô đơn, hoặc lúc hồn ma đưa người qua ải, hay lúc người chinh phụ than thân trách phận.

III. HÁT KHÁCH

Cũng gọi là Bắc xướng, là giọng hát có đờn kèn đưa hơi. Nhạc tấu cho hát khách có nhịp nhàng, tiết tấu rõ, giọng trầm bổng len nhau tạo nên sắc thái hùng tráng, thúc giục và vui tươi.

Có nhiều điệu hát khách: khách thi, Khách phú, Khách tử, Khách tẩu mã, Khách tửu và đặc biệt là Khách Nam liên xướng.

1. Gọi là *Khách thi* vì câu hát gồm toàn những câu thất ngôn (7 chữ), đối nhau hay không thì tùy theo tác giả. Khi thì nguyên một bài tứ tuyệt.

2. Còn *Khách phú* là bài hát được viết theo thể phú lục có vấn đáp. Mỗi câu thường dài hơn bẩy chữ, phổ biến là 11 chữ và thường hai câu liên tiếp có đối nhau. Trong các lớp tuồng có hai tướng gặp nhau cật vấn nhau về nguyên cớ phải cất quân bình phạt hoặc truy bức nhau về điều gì quan trọng thì thường hát khách phú.

3. *Khách tử* là điệu hát khách dùng khi lâm chung.

4. *Khách tẩu mã* như tên gọi của nó, được hát lúc lên ngựa chạy mau để trốn giặc, trốn tình nhân hoặc phi báo việc cần kíp, hay lúc gấp rút xông ra trận mạc. Giọng hát vừa nhanh vừa giòn giã như vó ngựa phi.

5. *Khách tửu* hát trong lúc uống rượu.

6. *Khách Nam liên xướng* tức hát khách và hát nam chen lộn nhau: một vai hát Nam rồi các vai khác hát khách.

IV. XƯỚNG

Là nói to lên một cách chậm rãi cho mọi người đều nghe. Một vai tuồng mới ra mắt khán giả thường xướng bốn câu để bày tỏ tâm tư và hoàn cảnh của mình.

V. BẠCH

Là giới thiệu, trình bày, dành cho các vai anh hùng nữ kiệt nói lên khí phách, chí hướng hoặc bộc bạch thành tích oanh liệt của mình. Bạch viết theo thể song thất không đối nhau, hoặc hai câu thất - thất có đối nhau, hoặc hai câu thất - thất có đối và kế đó là hai câu nửa có hay không có đối; đôi khi là bài thất ngôn tứ cú. Bạch rồi mới xưng tên.

VI. NGÂM

Tức là ngâm thơ. Hát bội cũng có lối ngâm thơ, giọng xuân, thường sử dụng trong lúc trà dư tửu hứng, hoặc lúc xúc cảnh sinh tình để biểu lộ nỗi niềm tâm sự đối với một cảnh ngộ hay một thói đời nhân thế nào đó. Trước khi ngâm có bốn câu nói lối mở giọng xuân, chấm dứt bằng chữ "hố" ngắn.

VII. THÁN

Là than thở. Thán thường được dùng trong cảnh hoạn nạn, lúc lòng dạ bối rối, lúc ly biệt, hoặc cô đơn nơi rừng hoang núi cao, tha phương. Thán là một giọng buồn, diễn trên nền nhạc của bài Xuân nữ não nề, u uất.

VIII. OÁN

Là uất hận, oán trách dùng khi oán trách số phận hẩm hiu hoặc khóc người quá cố. Trên sân khấu hát bội, những lời oán có kèm đưa hơi làm đệm thêm những sự sầu thảm và hờn oán.

IX. QUÂN BAN

Là bài hát, thường 4 câu, được sử dụng như để bố cáo mục đích của việc cử binh đi chinh phạt, hay về kinh vấn tội bọn loạn thần: Đám quân cầm cờ hiệu đứng tại cửa buồng hát hay đi qua đi lại vài vòng trên sân khấu, đồng thanh hát bài *Quân ban*. Sau Quân ban là điệu *Hành binh* (còn gọi là bắt bài).

X. HÁT BÀI

Là điệu hát chúc thọ cho vua, có kèm theo múa.

XI. NHỮNG GIỌNG HÁT PHỤ

Còn gọi là "niêu nồi" tức là các điệu hát vặt. Tuy coi là phụ nhưng các điệu hát này cũng giữ vai trò quan trọng trong diễn xuất các vai đặc biệt. Đó là các điệu Lý quân canh, Lý đảo điên, Phường qua Nam Thái, Lý giao duyên, hát lảng tháng (một điệu thiền), điệu phù thủy, điệu thiền (của vai thầy tu), ru con, lý mọi, bài bồi yến, bài thằng Bột (công tử Bột), ngâm Kiều, hát chèo đò, hát xẩm... Về sau lại có cả các bài bản cải lương và tân nhạc cũng được đưa vào danh mục các giọng ca phụ của hát bội.

Sưu tập

MẶT TUỒNG

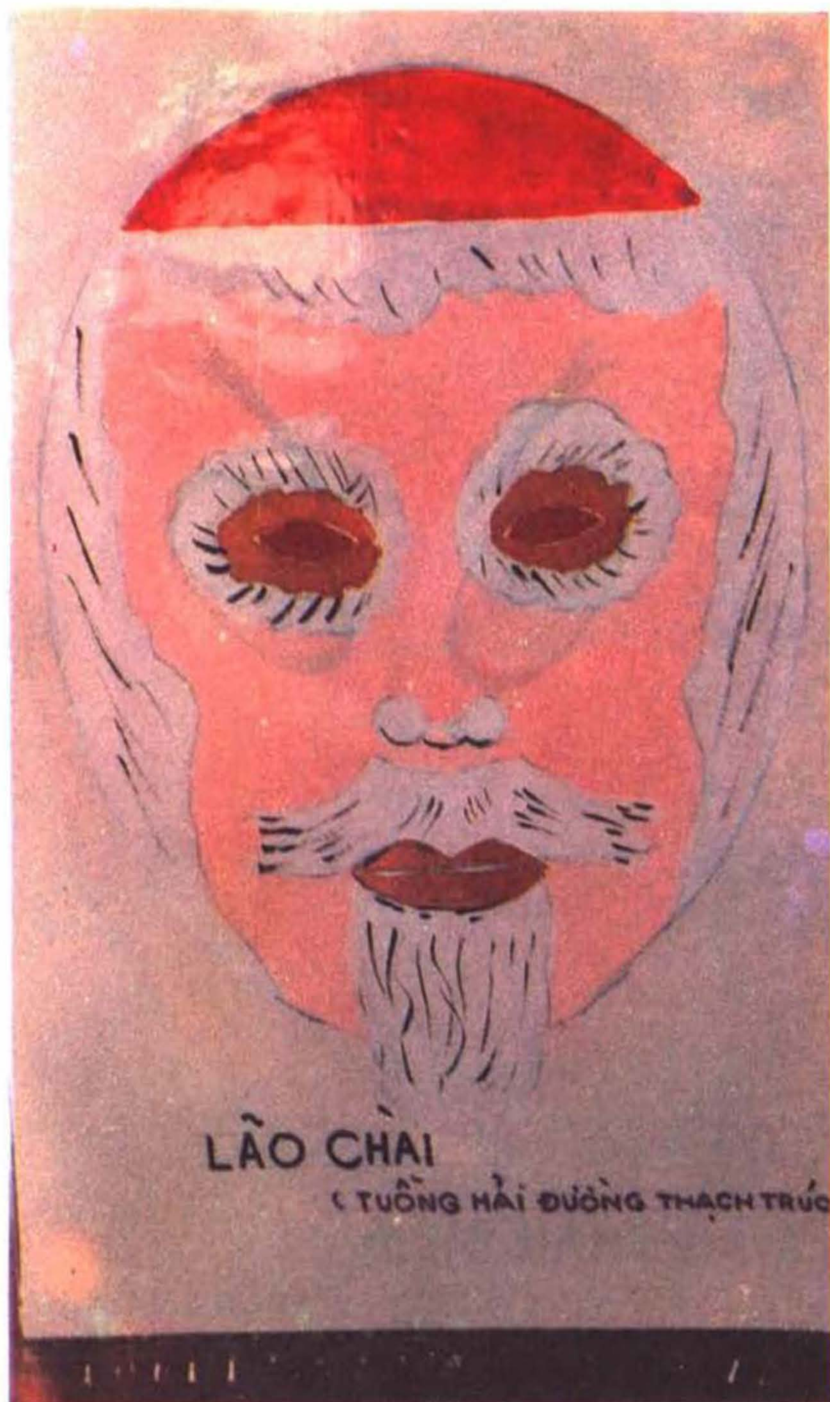
Thực hiện : **NGUYỄN VĨNH HUẾ**
Ảnh : **NGUYỄN DUYÊN**



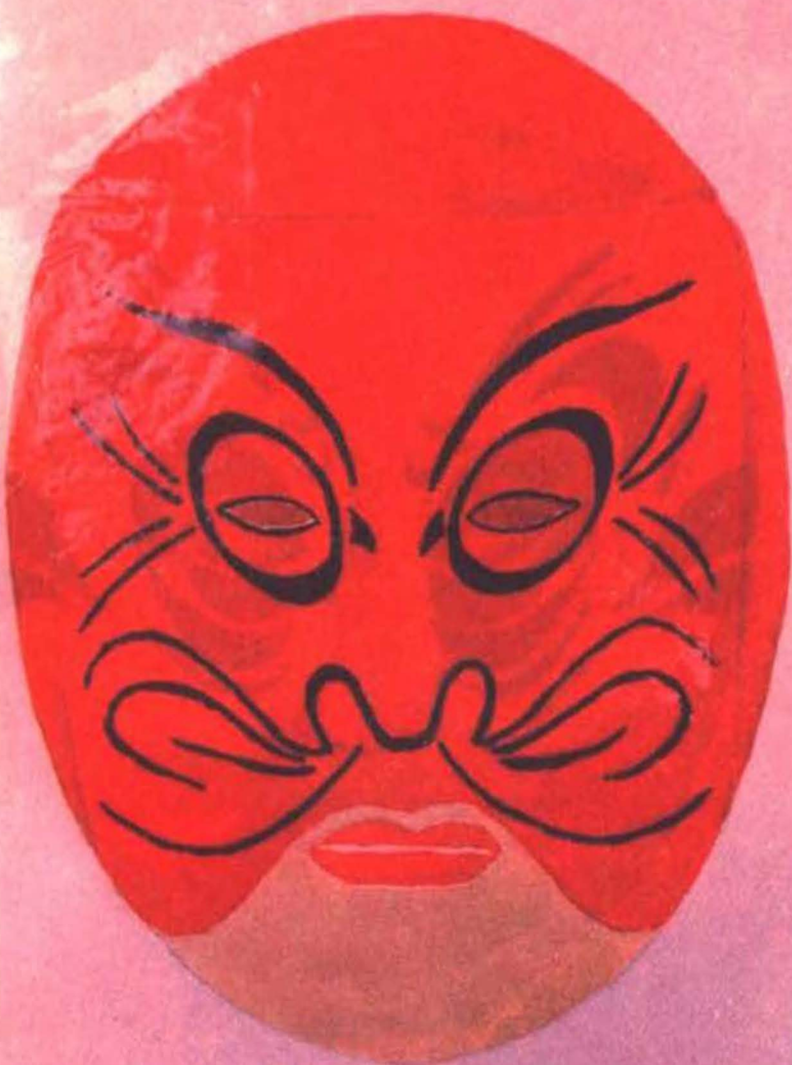
KHƯƠNG LINH TÁ

TUỒNG SƠN HẬU


DHÀN ĐỊNH CÔNG
(TUỒNG SƠN HẬU)


LÃO CHÀI
(TUỒNG HẢI ĐƯỜNG THẠCH TRÚC


PHÀN DIỆM
(TUỒNG SƠN HẬU



ĐỔNG KÌM LÂN 3
(TUỒNG SƠN HẬU)



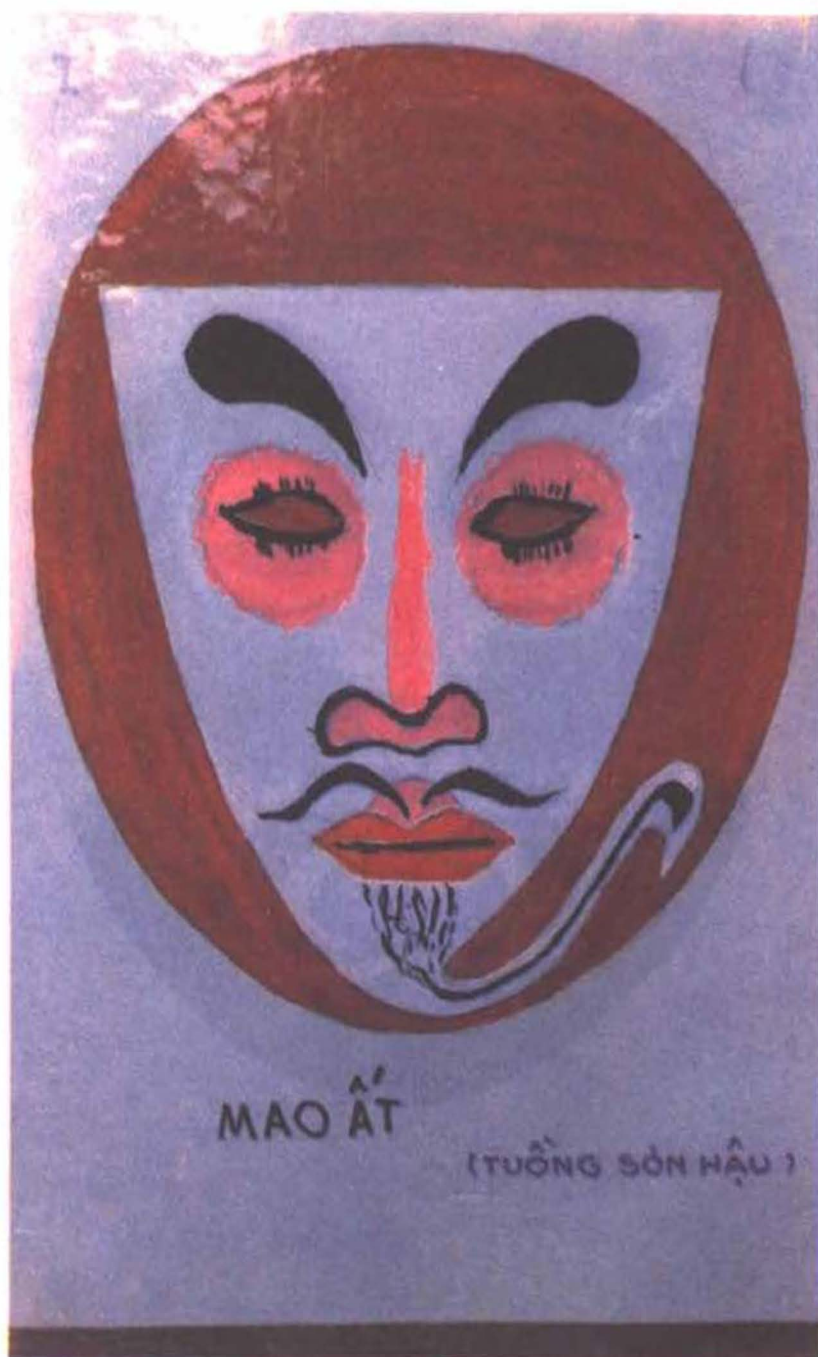
PHÀN ĐỊNH CÔNG

(NAM BỘ)



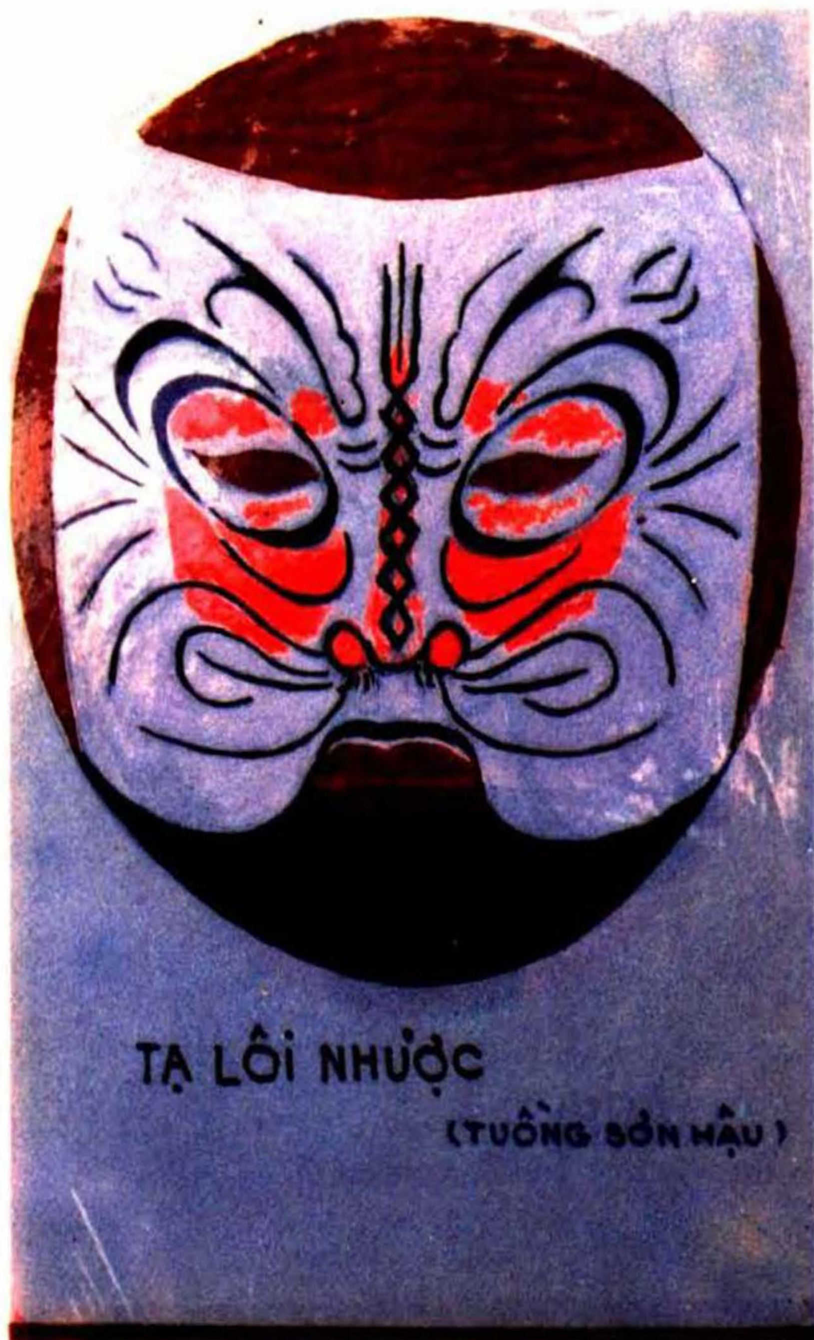
ÁC TĂNG

(TUỒNG SƠN HẬU)


MAO ẤT
(TUỒNG SƠN HẬU)


TẠ THIÊN LĂNG
(TUỒNG SƠN HẬU)


TẠ ÔN ĐÌNH
(TUỒNG SƠN HẬU)


TẠ LÔI NHƯỢC
(TUỒNG SƠN HẬU)



LƯU BỊ

(TUỒNG GIANG TẢ CẦU HÔN)

TRƯƠNG PHI

(TUỒNG ĐOẠT A ĐẨU)





CHÂU XƯỚNG

(TUỒNG QUÁ QUAN)



QUAN CÔNG

(TUỒNG GIANG TẢ CẦU HÔN)



NGÔ TÔN QUYỀN

(TUỒNG GIANG TẢ CẦU HÔN)



CHÂU DU

(TUỒNG GIANG TẢ CẦU HÔN)

TÀO THÁO

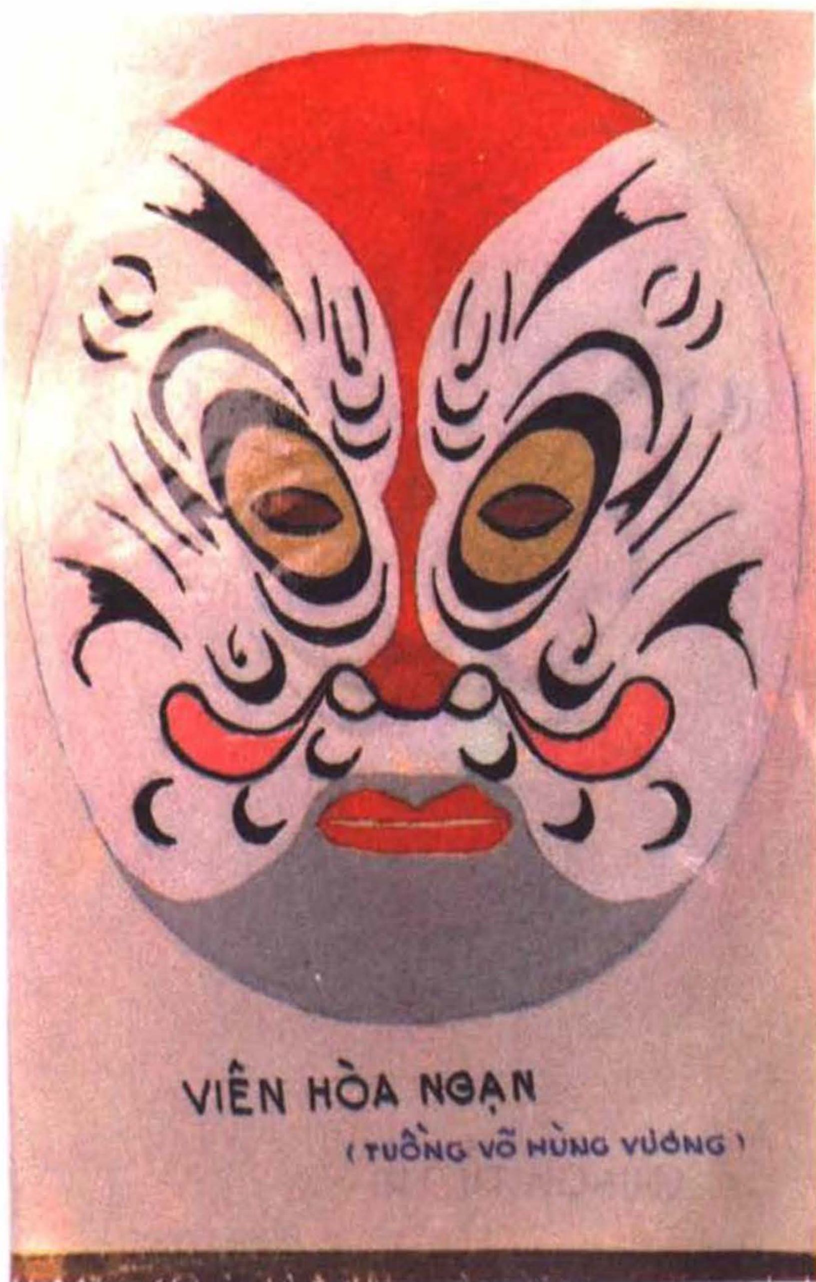
(TUỒNG XÍCH BÍCH)





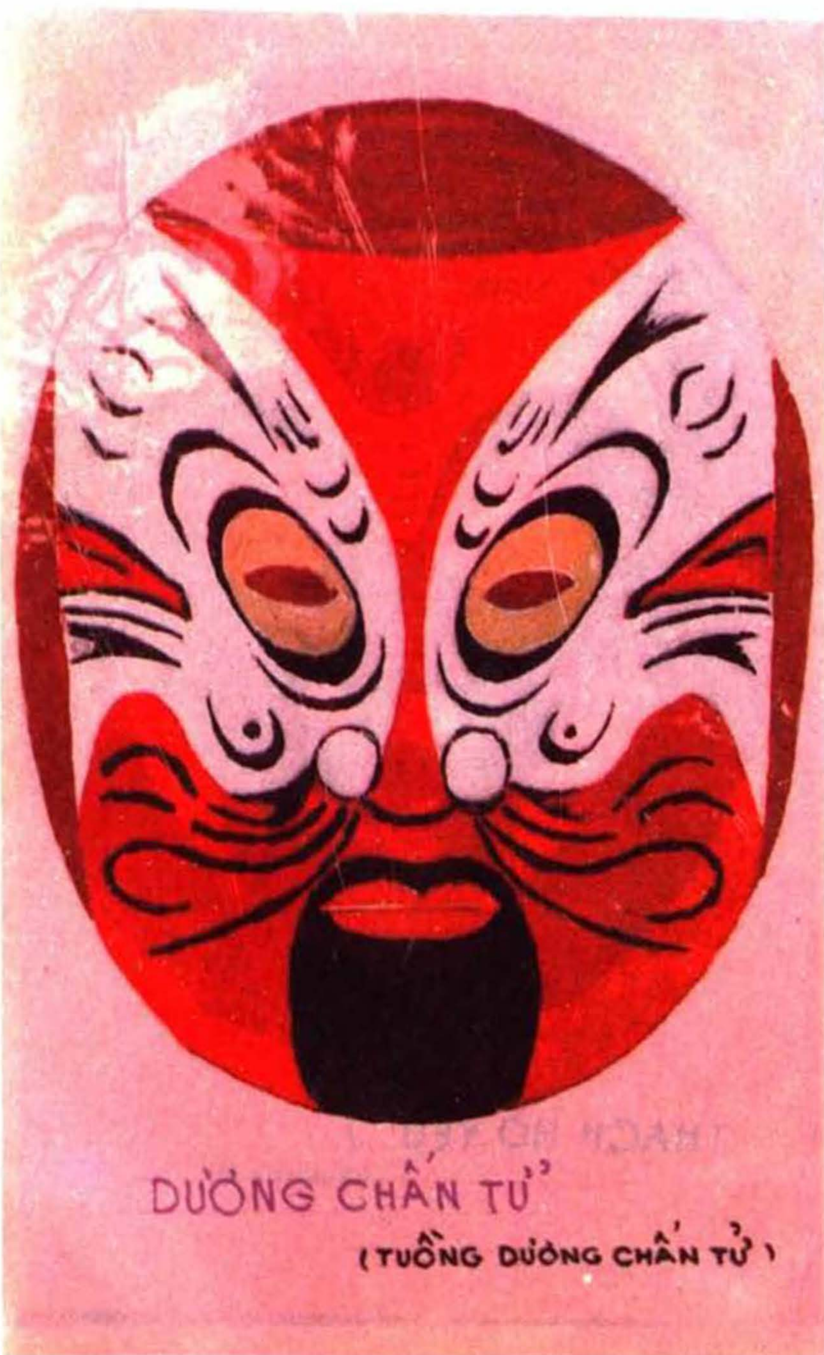
QUÁCH TỬ TRÌ

(TUỒNG VÕ HÙNG VƯỜNG)


VIÊN HÒA NGẠN
(TUỒNG VÕ HÙNG VƯƠNG)


QUÁCH AN CÔNG
(TUỒNG VÕ HÙNG VƯƠNG)


VIÊN TRỌNG OAI
(TUỒNG VÕ HÙNG VƯƠNG)


DƯƠNG CHẤN TỬ
(TUỒNG DƯƠNG CHẤN TỬ)


THẠCH HỒ YÊU
(TUỒNG DƯƠNG CHẤN


TRIỆU ĐÌNH LONG
(TUỒNG DƯƠNG CHẤN TỬ)



TẠ HỒ GIAO
(TUỒNG DƯƠNG CHẤN TỬ)


VẠN KIM ANH
(TUỒNG DƯƠNG CHẤN TỬ)



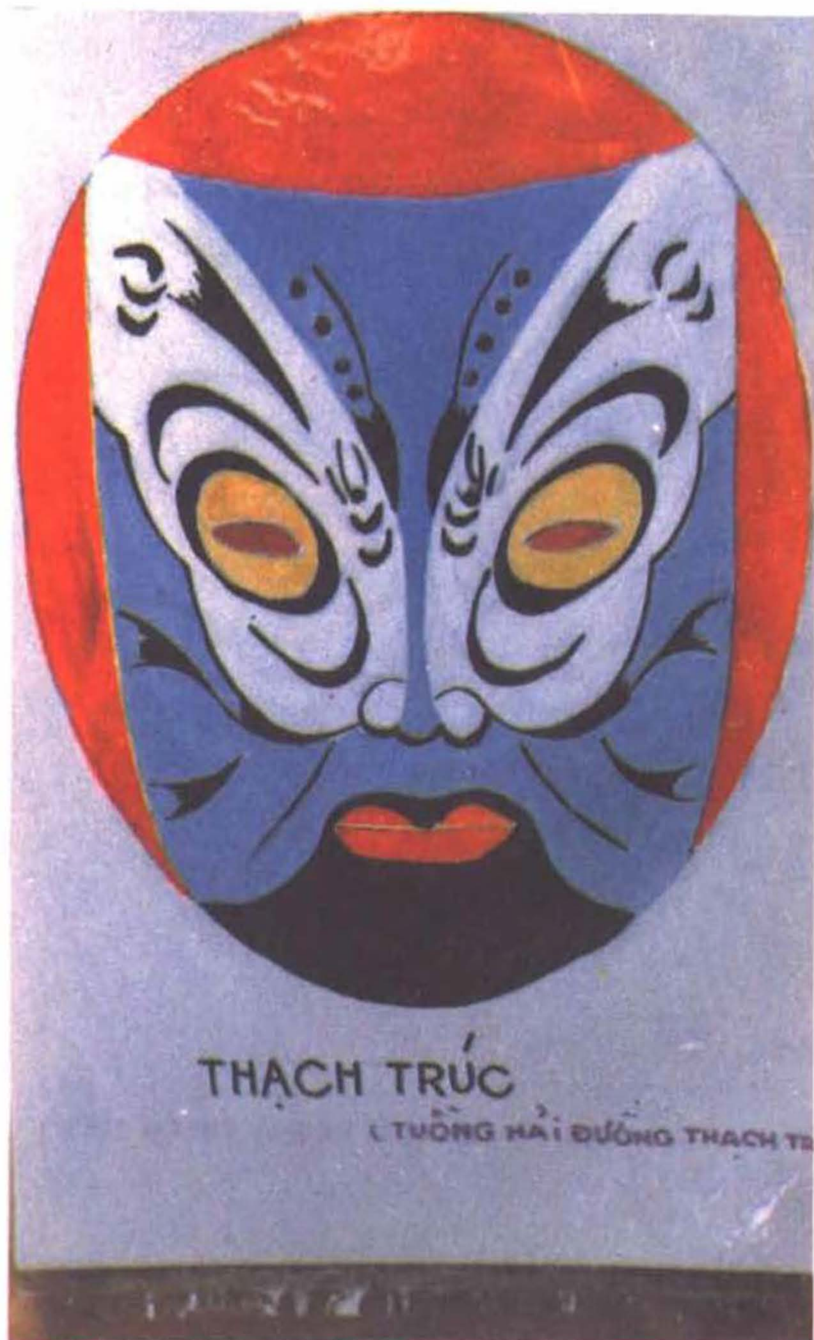
BẠT HỔ

(TUỒNG DƯỜNG CHẤN TỬ)

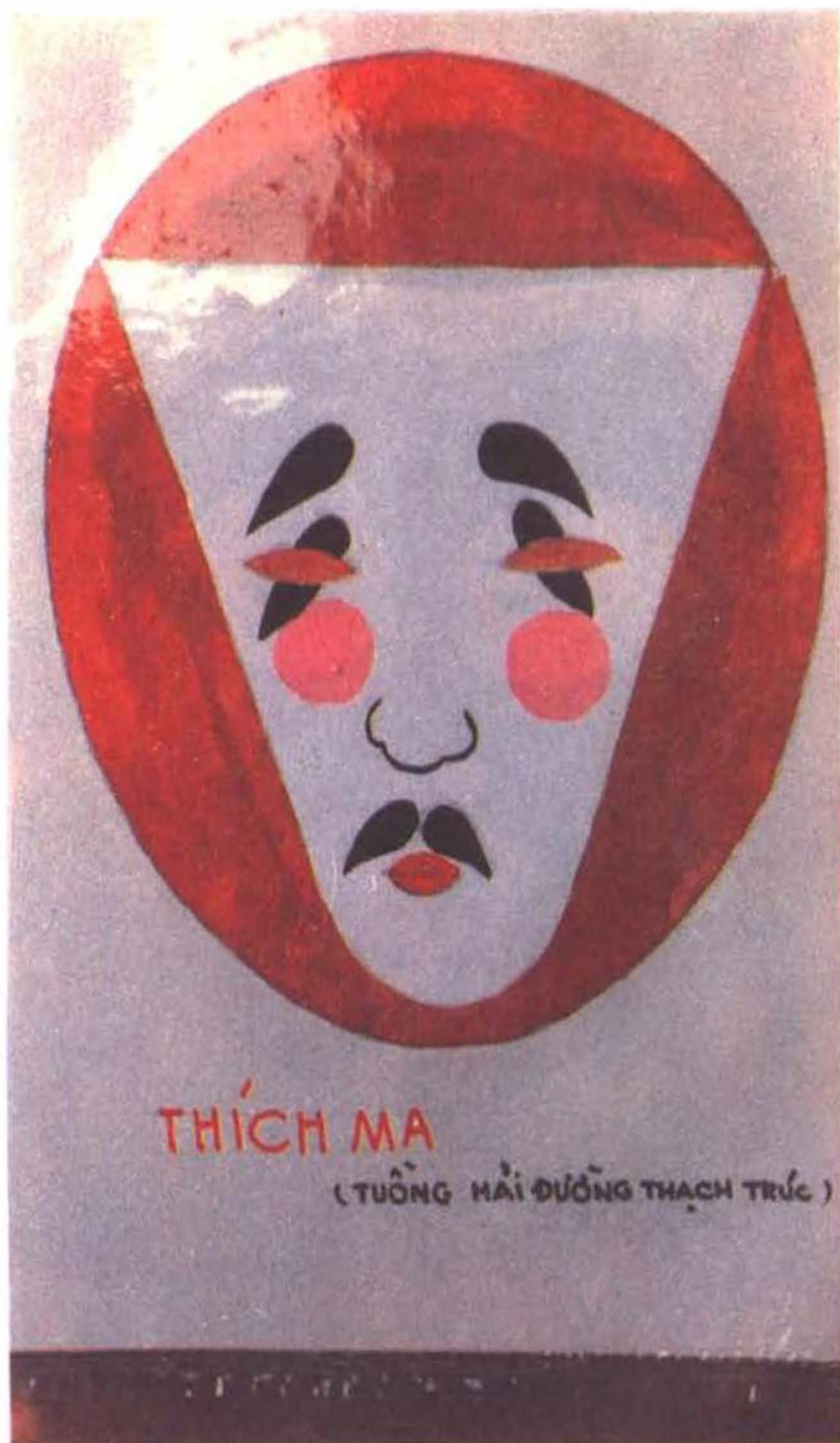

TẠ HỒ SƯ
(TUỒNG DƯƠNG CHẤN TỬ)


HẢI ĐƯỜNG
(TUỒNG HẢI ĐƯỜNG THẠCH TRỨC)


BÀI CÀN
(TUỒNG HẢI ĐƯỜNG THẠCH TRÚC)

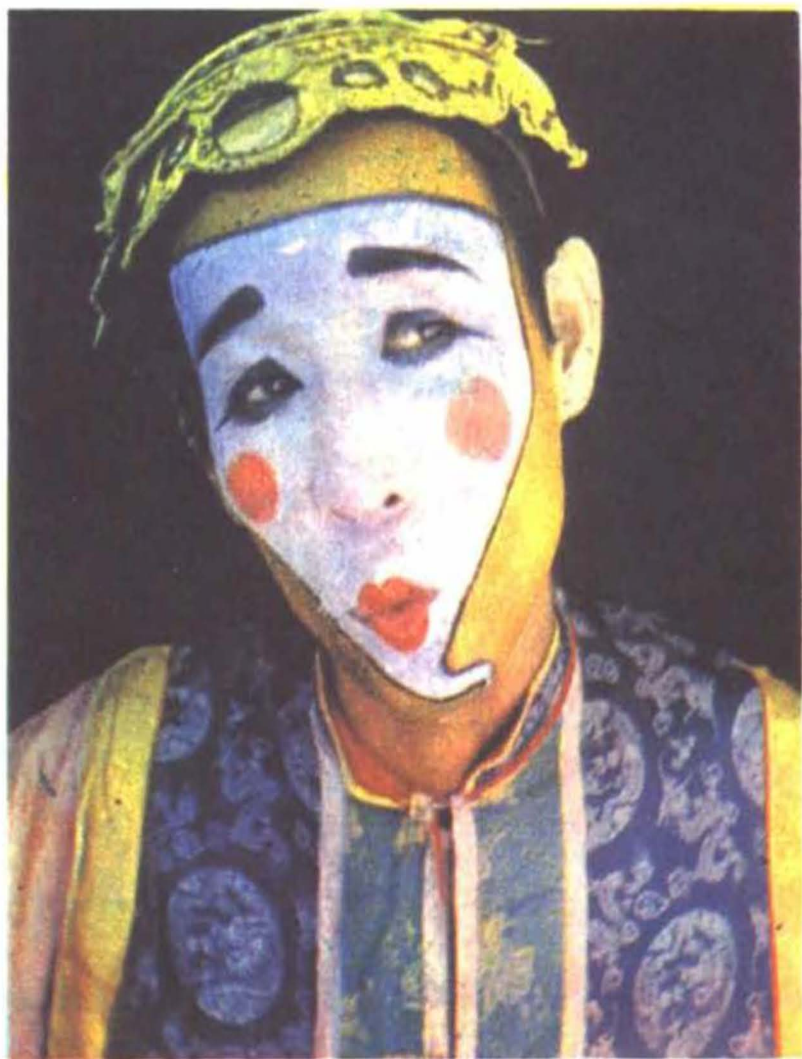

THẠCH TRÚC
(TUỒNG HẢI DƯƠNG THẠCH


LÃO TIỀU
(TUỒNG HẢI ĐƯỜNG . T. TRÚC)

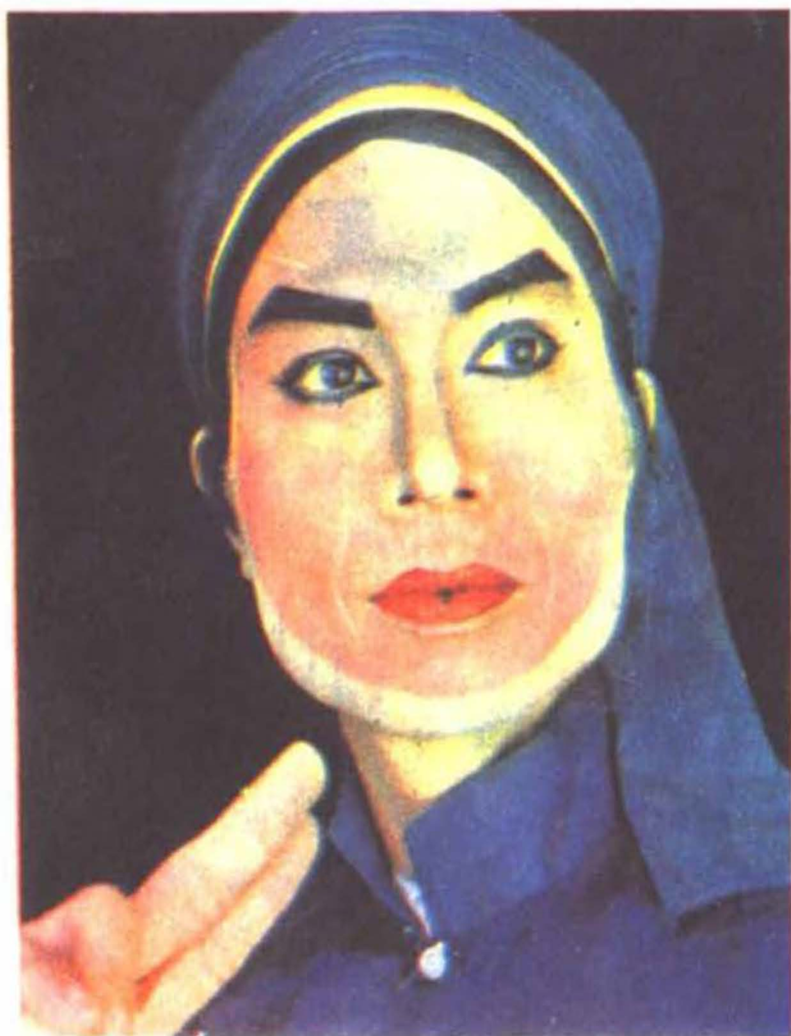

THÍCH MA
(TUỒNG HẢI ĐƯỜNG THẠCH TRÚC)



Linh quan Thổ Địa
(Tuồng *Ông Địa đăng liễn*)



● *Công tử bột.*



Thư sinh, kép văn



Trang phục tuồng



Đào Tam Xuân

Tài liệu tham khảo

- Tìm hiểu hát bội của Huỳnh Hữu Hạnh
- Sự tích và nghệ thuật hát bội của Đoàn Nồng
- Hát bộ của Huỳnh Khắc Dụng
- Nghệ thuật sân khấu Việt Nam của Trần Văn Khải
- Tìm hiểu nghệ thuật tuồng của Mịch Quang

Mục lục

- Lời nói đầu
- Điệu bộ cơ bản
- Cách hóa trang
- Các giọng hát
- Sưu tập MẶT TUỒNG
- Tài liệu tham khảo

SỔ TAY THƯỞNG THỨC HÁT BỘI

HUỲNH NGỌC TRẢNG

Chịu trách nhiệm xuất bản : LÊ HOÀNG

Biên tập : KIM HẠNH - TRẦN HỮU

Trình bày bìa : VIỆT HẢI

Sửa bản in : NGỌC HUYỀN

Ảnh bìa : Photo ĐỨC HUY

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

161B Lý Chính Thắng - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh

In 1.000 cuốn, khổ 13 x 19 cm
Tại Xí nghiệp In LÊ QUANG LỘC
Số đăng ký kế hoạch xuất bản 51/79

do Cục Xuất Bản cấp ngày 17-2-1995 và quyết định xuất bản số 288 TN/95 do Nhà xuất bản Trẻ cấp ngày 11.7.1995 In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 1995.

